

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
TIẾNG VIỆT- LỚP 5

Mạch kiến thức, kĩ năng	Số câu và số điểm	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 4		Tổng	
		TN KQ	TL	TNK Q	TL	TN KQ	TL	TNK Q	TL	TNKQ	TL
1. Chính tả - Phân biệt ch/tr; l/n; s/x; d/r/gi - Phân biệt nguyên âm đôi yê/ya; ươ/uô	Số câu			1						1	1
	Số điểm			1,0						1,0	1,0
2. Luyện từ và câu: từ đồng nghĩa, trái nghĩa, đồng âm, nhiều nghĩa; cấu tạo từ, tiếng vần; xác định thành phần câu	Số câu		1		1		2				4
	Số điểm		1,0		2, 0		1,0				4,0
5. Tập làm văn: Tả cảnh Cảnh đẹp, ngôi trường, ngôi nhà	Số câu										
	Số điểm		1,5		1, 5		1,0		1,0		5,0
Tổng	Số câu		1	1	1		2			1	5
	Số điểm		2,5	1,0	3, 5		2,0		1,0	1,0	9,0

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Toán - LỚP 5 –Năm học 2016- 2017

Mạch kiến thức, kĩ năng	Số câu và số điểm	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 4		Tổng	
		TNK Q	TL	TNK Q	TL	TN KQ	TL	TNK Q	TL	TNK Q	TL
1.Phân số, hỗn số và các phép tính	Số câu		1								1
	Số điểm		1,0								1,0
2.Số thập phân (Hàng STP, cách viết số) và các phép tính với số thập phân	Số câu	1			1		1		1	1	3
	Số điểm	1,0			2,0		1,0		1,0	1,0	4,0
3.Đại lượng và đo đại lượng	Số câu		1								1
	Số điểm		1,0								1.0
4.Yếu tố hình học: Diện tích các hình đã học	Số câu	1								1	
	Số điểm	1,0								1,0	
5.Giải toán về tỉ lệ, tỉ số phần trăm	Số câu				1						1
	Số điểm				2,0						2,0
Tổng	Số câu	2	2		2		1		1	2	6
	Số điểm	2,0	2,0		4,0		1,0		1,0	2,0	8

-Toán mức độ 4 tìm số dư

-Hàng của số thập phân, đọc viết số làm trắc nghiệm

BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Năm học 2016-2017

MÔN: TOÁN – LỚP 5A6

(Thời gian: 60 phút không kể giao đề)

Họ và tên: Lớp:

.....

Trường : SBD: Số phách:

.....

Giám thị số 1: Giám thị số 2: ..

.....

Số phách:

Bài 1 (1 điểm): Tính nhẩm:

$$0,894 \times 100 = \dots\dots\dots$$

$$2,23 : 100 = \dots\dots\dots$$

$$5,6 \times 0,01 = \dots\dots\dots$$

$$934 : 0,001 = \dots\dots\dots$$

Bài 2 (1 điểm): Viết các hỗn số sau thành số thập phân:

$8\frac{2}{5} = \dots\dots\dots$; $2\frac{14}{70} = \dots\dots\dots$; $3\frac{7}{25} = \dots\dots\dots$; $8\frac{3}{4} = \dots\dots\dots$

Bài 3 (2 điểm): Đặt tính rồi tính:

45,7 + 329,15

5217,4 – 386,17

7,826 x 4,5

19,72 : 5,8

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4 (2 điểm):

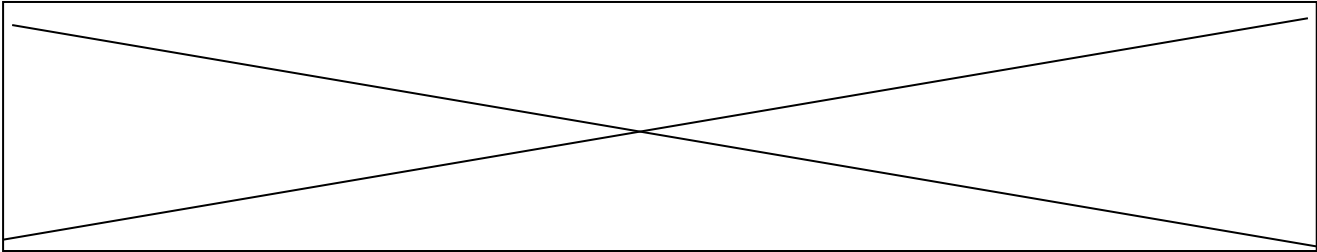
a) Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

45m 15cm = . . . m

5,9 tấn = . . . kg

6,157 ha = . . . m²

515cm² = . . . dm²



b) Tính bằng cách thuận tiện nhất:

148 – 31,53 – 68,47

25,78 x 55,4 + 44,6 x 25,78

.....

.....

.....

.....

Bài 4 (2 điểm)

Trường Tiểu học Vạn Hương có 500 học sinh, trong đó học sinh nữ chiếm 45%. Hỏi trường có bao nhiêu học sinh nam?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 5 (2 điểm):

a) Số dư của phép chia $33,14 : 58$ là:

A. 8

B. 0,008

C. 0,08

D. 0,8

b) Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 20m và chiều rộng 10m. Người ta dành 20% diện tích mảnh đất để trồng hoa. Tính diện tích phần đất trồng hoa.

A. 400m^2

B. 4m^2

C. 40m^2

D. $0,4\text{m}^2$

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

MÔN TOÁN - LỚP 5

Năm học 2016-2017

Bài 1 (2 điểm):

Viết đúng mỗi số cho 0,25 điểm.

$$0,894 \times 100 = 89,4$$

$$2,23 : 100 = 0,0223$$

$$5,6 \times 0,01 = 0,056$$

$$934 : 0,001 = 934000$$

Bài 2 (2 điểm):

- Đặt tính và tính đúng mỗi phép tính cho 0,5 điểm.

Bài 3 (2 điểm):

- Phần a: Mỗi phép tính đổi đúng cho 0,25 điểm.

$$45\text{m } 15\text{cm} = 45,15\text{m}$$

$$6,157\text{ ha} = 61570\text{ m}^2$$

$$5,9\text{ tấn} = 5900\text{ kg}$$

$$515\text{dm}^2 = 5,15\text{ m}^2$$

- Phần b: Mỗi phép tính đúng cho 0,5 điểm.

$$148 - 31,53 - 16,47$$

$$25,78 \times 55,4 + 44,6 \times 25,78$$

$$= 148 - (31,53 + 16,47)$$

$$= 148 - 48 = 100$$

$$= 25,78 \times (55,4 + 44,6)$$

$$= 25,78 \times 100 = 2578$$

Bài 4 (2 điểm)

Số học sinh nữ của trường là : $500 : 100 \times 45 = 225$ (em) (1 điểm)

Số học sinh nam của trường là : $500 - 225 = 275$ (em) (0,75 điểm)

Đáp số: 275 (em) (0,25 điểm)

Chú ý: Câu trả lời của học sinh phải ngắn gọn, đủ ý, có chủ ngữ, vị ngữ GV cho đủ số điểm. HS không ghi đáp số trừ 0,25 điểm .

Bài 5 (2 điểm):

- Phần 1 (1 điểm) Đáp án: C. 0,08

- Phần 2 (1 điểm) Đáp án: C. 40m²

- Nơi đây, suốt ngày, /ánh nắng /rừng rực đổ lửa xuống mặt đất.

TN

CN

VN

-Trong nh÷ng n"m @i @,nh giÆc ,nội nhí @Êt @ai, nhũ
cõa ,ruóng vên //thØnh tho¶ng l"i ch,y l"n trong l"ng anh.

BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II

Năm học 2016-2017

MÔN: TOÁN – LỚP 5A6

(Thời gian: 60 phút không kể giao đề)

Họ và tên: Lớp:

Trường : SBD: Số phách:

Giám thị số 1: Giám thị số 2:

Số phách:

Bài 1 (2 điểm): a) Nêu quy tắc tính diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật.

.....
.....

b) Tính diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật có chiều dài 50cm, chiều rộng 4dm và chiều cao 3dm.

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 2 (2 điểm): Tính

a) $5 \text{ năm } 2 \text{ tháng} - 2 \text{ năm } 4 \text{ tháng} = \dots \text{ năm } \dots \text{ tháng}$

$$2 \text{ giờ } 32 \text{ phút} \times 3 = \dots\dots\dots \text{ giờ } \dots\dots\dots \text{ phút}$$

$$\text{b) } 2000\text{cm}^3 = \dots\dots\dots\text{dm}^3 \qquad 375 \text{ dm}^3 = \dots\dots\dots\text{m}^3$$

d) Diện tích hình tròn có đường kính 6cm là

Bài 3 (1 điểm): Một thửa ruộng hình thang có độ dài hai đáy lần lượt là 50m và 30m. Chiều cao bằng trung bình cộng hai đáy. Tính diện tích thửa ruộng đó.

.....

.....

.....

.....

.....

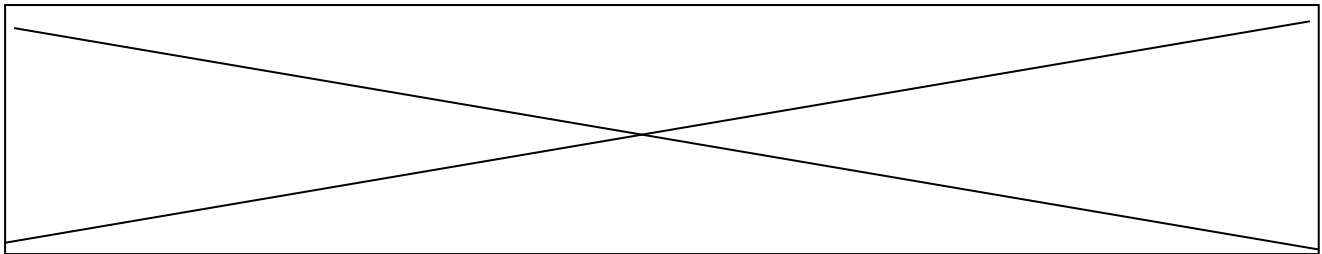
Bài 4 (1 điểm): Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

$$1,5 \text{ phút} = \dots\dots\dots \text{ giây}$$

$$150 \text{ phút} = \dots\dots\dots \text{ giờ}$$

$$8 \text{ năm} = \dots\dots\dots \text{ tháng}$$

$$50 \text{ giờ} = \dots\dots\dots \text{ ngày } \dots\dots\dots \text{ giờ}$$



Bài 5(1,5 điểm)

Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài 150m, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Trung bình cứ 100m của thửa ruộng đó thu được 60kg thóc. Hỏi trên cả thửa ruộng đó người ta thu được bao nhiêu tấn thóc?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 6 (1,5 điểm) Một bể cá dạng hình hộp chữ nhật làm bằng kính (không nắp) có chiều dài 8dm, chiều rộng 5dm, chiều cao 6dm.

a. Tính diện tích kính dùng làm bể cá đó.

b. Người ta đổ vào bể cá 200l nước. Tính độ cao của mực nước.

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
MÔN TOÁN - LỚP 5
Năm học 2016-2017

Năm học 2016-2017

a) Nêu đúng quy tắc tính diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật. 1 điểm

b) Tính diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật có chiều dài 50cm, chiều rộng 4dm và chiều cao 3dm. 1 điểm

$$(50 + 30) : 2 = 40 \text{ (m)}$$

Diện tích thửa ruộng:

$$(50 + 30) \times 40 : 2 = 1600 \quad 8 \times 5 = 40 \text{ (dm}^2\text{)}$$

m²

Đáp số: 1600m²

Bài 4 (1 điểm): Viết đúng mỗi số được 0,25 điểm

$$1,5 \text{ phút} = 90 \text{ giây}$$

$$150 \text{ phút} = 2,5 \text{ giờ}$$

$$8 \text{ năm} = 96 \text{ tháng}$$

$$50 \text{ giờ} = 2 \text{ ngày } 2 \text{ giờ}$$

Bài 5(1,5 điểm)

Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài 150m, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Trung bình cứ 100m của thửa ruộng đó thu được 60kg thóc. Hỏi trên cả thửa ruộng đó người ta thu được bao nhiêu tấn thóc?

Chiều rộng thửa ruộng:

$$150 \times \frac{2}{3} = 100 \text{ (m)} \quad 0,5 \text{ điểm}$$

Diện tích thửa ruộng:

$$150 \times 100 = 15000 \text{ (m}^2\text{)} \quad 0,5 \text{ điểm}$$

Trên thửa ruộng đó thu được số thóc:

$$15000 : 100 \times 60 = 9000 \text{ (kg)} = 9 \text{ tấn} \quad 0,5 \text{ điểm}$$

Đáp số: 9 tấn

Bài 6 (1,5 điểm) Một bể cá dạng hình hộp chữ nhật làm bằng kính (không nắp) có chiều dài 8dm, chiều rộng 5dm, chiều cao 6dm.

a. Tính diện tích kính dùng làm bể cá đó.

b. Người ta đổ vào bể cá 200l nước. Tính độ cao của mực nước.

a) Diện tích xung quanh bể cá:

$$(8 + 5) \times 2 \times 6 = 156 \text{ (dm}^2\text{)}$$

Diện tích kính làm bể cá:

$$156 + (8 \times 5) = 196 \text{ (dm}^2\text{)}$$

b) Đổi 200l = 200 dm³

Độ cao của mực nước trong bể:

$$200 : 8 : 5 = 5 \text{ dm}$$

Đáp số: 196 dm²

5 dm

Bài 7 (1 điểm): Diện tích toàn phần của hình lập phương đó là 90 cm^2

Chú ý: Câu trả lời của học sinh phải ngắn gọn, đủ ý cho đủ số điểm. HS không ghi đáp số trừ 0,25 điểm .